

Số: 72 /2025/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025

THÔNG TƯ

Hướng dẫn về sử dụng tài khoản để thực hiện các hoạt động ngoại hối tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Nghị quyết số 222/2025/QH15 của Quốc hội về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 329/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cấp phép thành lập và hoạt động ngân hàng, quản lý ngoại hối, phòng chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn về sử dụng tài khoản để thực hiện các hoạt động ngoại hối tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn các nội dung sau:

1. Việc sử dụng tài khoản quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 84 Nghị định số 329/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cấp phép thành lập và hoạt động ngân hàng, quản lý ngoại hối, phòng chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam để thực hiện các hoạt động ngoại hối trong Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam của doanh nghiệp thành viên, nhà đầu tư nước ngoài bao gồm:

- Tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của doanh nghiệp thành viên;
- Tài khoản vốn của doanh nghiệp thành viên, nhà đầu tư nước ngoài.

2. Việc minh bạch dòng tiền của các giao dịch chuyển tiền ngoại tệ theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 84 Nghị định số 329/2025/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Doanh nghiệp thành viên quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị định số 329/2025/NĐ-CP.

2. Nhà đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 10 Điều 3 Nghị định số 324/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách tài chính trong Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.

3. Bên đi vay trong nước quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 329/2025/NĐ-CP.

4. Ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản bao gồm ngân hàng thành viên theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 329/2025/NĐ-CP nơi doanh nghiệp thành viên, nhà đầu tư nước ngoài mở tài khoản và tổ chức tín dụng Việt Nam theo quy định tại khoản 22 Điều 3 Nghị định số 329/2025/NĐ-CP nơi bên đi vay trong nước mở tài khoản.

5. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của doanh nghiệp thành viên

1. Thu:

a) Ngoại tệ chuyển khoản từ nước ngoài chuyển vào;

b) Ngoại tệ từ việc thực hiện hoạt động, dịch vụ phù hợp với pháp luật về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam với các thành viên khác, tổ chức, cá nhân ngoài lãnh thổ Việt Nam;

c) Ngoại tệ chuyển khoản của nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp thành viên khác góp vốn trong doanh nghiệp thành viên theo quy định tại Nghị quyết số 222/2025/QH15 về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam và các văn bản hướng dẫn;

d) Nộp lại số ngoại tệ tiền mặt của doanh nghiệp thành viên rút ra cho nhân viên đi công tác ở nước ngoài nhưng chi tiêu không hết tại ngân hàng thành viên đã rút tiền theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc nộp ngoại tệ tiền mặt vào tài khoản của tổ chức;

đ) Ngoại tệ thu từ việc thực hiện giao dịch ngoại tệ - ngoại tệ với ngân hàng thành viên theo quy định tại Chương IV Nghị định số 329/2025/NĐ-CP;

e) Thu ngoại tệ đối với các trường hợp được thu ngoại tệ từ tổ chức, cá nhân trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam;

g) Ngoại tệ từ tài khoản vốn của chính doanh nghiệp thành viên mở tại ngân hàng thành viên đó hoặc ngân hàng thành viên khác;

h) Ngoại tệ điều chuyển từ tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của chính doanh nghiệp thành viên mở tại ngân hàng thành viên đó hoặc ngân hàng thành viên khác hoặc tổ chức tín dụng Việt Nam;

i) Các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.

2. Chi:

a) Bán ngoại tệ cho tổ chức tín dụng Việt Nam;

b) Chuyển tiền, thanh toán cho các hoạt động, dịch vụ phù hợp với pháp luật về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam với các thành viên khác, với tổ chức, cá nhân ngoài lãnh thổ Việt Nam;

c) Chuyển đổi ra các loại ngoại tệ khác tại ngân hàng thành viên đó hoặc ngân hàng thành viên khác;

d) Rút ngoại tệ tiền mặt cho cá nhân làm việc cho tổ chức khi được cử ra nước ngoài công tác;

đ) Chuyển khoản hoặc rút ngoại tệ tiền mặt để trả lương, thưởng, phụ cấp cho người không cư trú, người cư trú là cá nhân nước ngoài;

e) Chuyển khoản ngoại tệ sang tài khoản vốn của chính doanh nghiệp thành viên mở tại ngân hàng thành viên đó hoặc ngân hàng thành viên khác;

g) Điều chuyển ngoại tệ sang tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của chính doanh nghiệp thành viên mở tại ngân hàng thành viên đó hoặc ngân hàng thành viên khác hoặc tổ chức tín dụng Việt Nam;

h) Chuyển tiền, thanh toán cho các tổ chức, cá nhân trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên đối với các giao dịch được phép thực hiện bằng ngoại tệ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam;

i) Chi chuyển khoản ngoại tệ phân giảm vốn góp trong doanh nghiệp thành viên, lợi nhuận và các nguồn thu hợp pháp liên quan đến hoạt động đầu tư nước ngoài vào Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài sang tài khoản vốn của nhà đầu tư nước ngoài;

k) Chi ngoại tệ góp vốn để thành lập doanh nghiệp thành viên theo quy định tại Nghị quyết số 222/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn;

l) Các khoản chi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.

3. Các hoạt động, dịch vụ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này không bao gồm các hoạt động quy định tại điểm a khoản 1 Điều 84 Nghị định 329/2025/NĐ-CP.

Điều 4. Sử dụng tài khoản vốn của nhà đầu tư nước ngoài liên quan đến hoạt động đầu tư từ nước ngoài vào Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam

1. Thu:

a) Ngoại tệ chuyển khoản từ nước ngoài của nhà đầu tư nước ngoài vào Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam để thực hiện hoạt động đầu tư thành lập doanh nghiệp thành viên, góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của doanh nghiệp thành viên;

b) Nhận ngoại tệ chuyển khoản từ việc thanh toán giá trị chuyển nhượng vốn đầu tư, cổ phần, phần vốn góp trong doanh nghiệp thành viên;

c) Nhận ngoại tệ chuyển khoản từ tài khoản thanh toán của thành viên trong trường hợp giảm phần vốn góp, nhận lợi nhuận và các nguồn thu hợp pháp liên quan đến hoạt động đầu tư vào Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài;

d) Lãi từ số dư trên tài khoản vốn của nhà đầu tư nước ngoài.

2. Chi:

a) Chuyển tiền để thực hiện hoạt động góp vốn thành lập doanh nghiệp thành viên, góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp trong doanh nghiệp thành viên;

b) Thanh toán các khoản phí, lệ phí, thuế, nộp phạt vi phạm hành chính, chi phí liên quan đến các giao dịch góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp trong doanh nghiệp thành viên theo hướng dẫn của Hội đồng điều hành Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam;

c) Chuyển ra nước ngoài vốn đầu tư, lợi nhuận và các khoản thu hợp pháp từ hoạt động đầu tư vào Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài;

d) Trả phí dịch vụ liên quan đến quản lý tài khoản và giao dịch chuyển tiền qua tài khoản theo quy định của ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.

Điều 5. Sử dụng tài khoản vốn của doanh nghiệp thành viên

1. Thu:

a) Nhận tiền rút vốn khoản vay từ cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam;

b) Chuyển đổi ngoại tệ từ nguồn tiền rút vốn khoản vay từ cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam (trong trường hợp đồng tiền rút vốn không phải là đồng tiền của tài khoản vốn);

c) Các khoản thu được phép từ giao dịch phái sinh phòng ngừa rủi ro tỷ giá, lãi suất liên quan đến khoản vay từ tổ chức, cá nhân ngoài lãnh thổ Việt Nam;

d) Thu hồi nợ (gốc, lãi) và phí của khoản cho vay đối với tổ chức, cá nhân ngoài lãnh thổ Việt Nam;

đ) Thu hồi nợ (gốc, lãi) và phí từ tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ mở tại tổ chức tín dụng Việt Nam của bên đi vay trong nước trong giao dịch cho vay đối với bên đi vay trong nước;

e) Nhận ngoại tệ từ tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của chính doanh nghiệp thành viên mở tại ngân hàng thành viên đó hoặc ngân hàng thành viên khác;

g) Thu chuyển khoản từ nước ngoài phân lợi nhuận và các khoản thu hợp pháp liên quan đến hoạt động đầu tư từ Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam ra nước ngoài;

h) Thu chuyển khoản từ nước ngoài trong trường hợp chuyển nhượng vốn đầu tư ở nước ngoài, giảm vốn đầu tư, thanh lý hoặc chấm dứt hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài;

i) Thu hồi vốn đầu tư, lợi nhuận và các khoản thu hợp pháp liên quan đến hoạt động đầu tư từ Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam vào phần còn lại của Việt Nam theo quy định tại Nghị định số 324/2025/NĐ-CP;

k) Nhận ngoại tệ chuyển khoản từ nước ngoài liên quan đến hoạt động đầu tư gián tiếp từ Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam ra nước ngoài;

l) Lãi từ số dư trên tài khoản.

2. Chi:

a) Trả nợ (gốc, lãi) và phí của khoản vay từ cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam;

b) Trả khoản nhận nợ (gốc, lãi) và phí giữa doanh nghiệp thành viên và bên bảo đảm sau khi bên bảo đảm đã thực hiện nghĩa vụ bảo đảm cho doanh nghiệp thành viên theo thỏa thuận trong giao dịch vay từ cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam;

c) Mua ngoại tệ để trả nợ (gốc, lãi) và phí của khoản vay từ cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam trong trường hợp đồng tiền trả nợ không phải là đồng tiền của tài khoản vốn;

d) Các khoản thanh toán phát sinh từ giao dịch phái sinh phòng ngừa rủi ro tỷ giá, lãi suất liên quan đến khoản vay từ cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam;

đ) Giải ngân khoản cho vay đối với cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam;

e) Giải ngân khoản cho vay vào tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ mở tại tổ chức tín dụng Việt Nam của bên đi vay trong nước trong giao dịch cho vay đối với bên đi vay trong nước;

g) Chuyển vốn đầu tư để thực hiện hoạt động đầu tư từ Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam ra nước ngoài;

h) Chuyển vốn đầu tư để thực hiện hoạt động đầu tư từ Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam vào phần còn lại của Việt Nam theo quy định tại Nghị định số 324/2025/NĐ-CP;

i) Chuyển sang tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của chính doanh nghiệp thành viên mở tại ngân hàng thành viên;

k) Trả phí dịch vụ liên quan đến quản lý tài khoản và giao dịch chuyển tiền qua tài khoản theo quy định của ngân hàng cung ứng dịch vụ qua tài khoản.

Điều 6. Minh bạch dòng tiền

Khi thực hiện các giao dịch qua tài khoản vốn quy định tại Điều 4, Điều 5 Thông tư này, lệnh chuyển tiền phải được ghi rõ các thông tin cơ bản để làm cơ sở xác định giao dịch như sau:

1. Đối với giao dịch vay, cho vay:

a) Bên cho vay khi giải ngân khoản vay cần ghi rõ: “giải ngân khoản vay ... theo hợp đồng vay số...ngày...; tổng giá trị khoản vay...”;

b) Bên đi vay khi chuyển tiền trả nợ cần ghi rõ: “trả nợ gốc/lãi/phí khoản vay theo hợp đồng vay số...ngày...; tổng giá trị khoản vay...”.

2. Đối với giao dịch đầu tư:

a) Ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản nơi nhà đầu tư nước ngoài, thành viên mở tài khoản thanh toán phải yêu cầu nhà đầu tư nước ngoài, thành viên ghi rõ mục đích chuyển tiền như: “chuyển tiền để thành lập doanh nghiệp thành viên/góp vốn/mua cổ phần/mua phần vốn góp trong doanh nghiệp thành viên theo hợp đồng/thỏa thuận/giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp số...ngày...”; hoặc “chuyển tiền để mua/bán chứng khoán, các giấy tờ có giá khác...”;

b) Nhà đầu tư nước ngoài, thành viên cần ghi rõ mục đích chuyển tiền như: “chuyển tiền để thành lập doanh nghiệp thành viên/góp vốn/mua cổ phần/mua phần vốn góp trong doanh nghiệp thành viên theo hợp đồng/thỏa thuận/giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp số...ngày...”; hoặc “chuyển tiền để mua/bán chứng khoán, các giấy tờ có giá khác...”.

Điều 7. Trách nhiệm của nhà đầu tư nước ngoài

1. Tuân thủ các quy định tại Thông tư này, quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư từ nước ngoài vào Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam và các quy định có liên quan khác.

2. Cung cấp các tài liệu, chứng từ liên quan đến đầu tư từ nước ngoài vào Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam theo yêu cầu và hướng dẫn của ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu, chứng từ đã xuất trình.

Điều 8. Trách nhiệm của bên đi vay trong nước

1. Tuân thủ các quy định tại Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan khi ký kết và thực hiện thỏa thuận vay từ thành viên.

2. Xuất trình chứng từ theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của ngân hàng cung ứng dịch vụ qua tài khoản khi thực hiện các giao dịch chuyển tiền liên quan đến khoản vay từ thành viên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các chứng từ này.

Điều 9. Trách nhiệm của thành viên

1. Tuân thủ các quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.
2. Thành viên có trách nhiệm yêu cầu tổ chức, cá nhân nước ngoài là bên cho vay ghi rõ mục đích chuyển tiền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Thông tư này.
3. Cung cấp các tài liệu, chứng từ liên quan đến các hoạt động ngoại hối theo quy định tại Thông tư này theo yêu cầu của ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản, Cơ quan có thẩm quyền và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu, chứng từ đã xuất trình.

Điều 10. Trách nhiệm của Ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản

1. Yêu cầu nhà đầu tư nước ngoài, thành viên, bên đi vay trong nước ghi rõ mục đích chuyển tiền tại lệnh chuyển tiền theo quy định tại Thông tư này; cung cấp các tài liệu, chứng từ liên quan đến các giao dịch chuyển tiền qua các tài khoản thanh toán của nhà đầu tư nước ngoài, thành viên và bên đi vay trong nước; đảm bảo khớp đúng các lệnh chuyển tiền với các tài liệu, chứng từ do nhà đầu tư nước ngoài, thành viên, bên đi vay trong nước và các bên liên quan xuất trình theo quy định tại Thông tư này.
2. Xem xét, kiểm tra, lưu giữ các giấy tờ và chứng từ phù hợp với các giao dịch thực tế để đảm bảo việc cung ứng các dịch vụ ngoại hối cho nhà đầu tư nước ngoài, thành viên và bên đi vay trong nước được thực hiện đúng mục đích, tuân thủ quy định của pháp luật.
3. Tuân thủ quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.
4. Thực hiện việc cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản cho các giao dịch liên quan đến khoản vay từ thành viên của bên đi vay trong nước theo quy định tại Thông tư này trên cơ sở:
 - a) Văn bản xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay từ thành viên của bên đi vay trong nước (trong trường hợp khoản vay thuộc đối tượng phải đăng ký, đăng ký thay đổi); chứng từ chứng minh bên đi vay trong nước đã khai báo khoản vay (trong trường hợp khoản vay thuộc đối tượng khai báo) và hồ sơ, tài liệu khác theo quy định của cơ quan điều hành;
 - b) Thỏa thuận vay, thỏa thuận thay đổi thỏa thuận vay và các thỏa thuận khác có liên quan đến khoản vay từ thành viên của bên đi vay trong nước.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thông tư này sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư 16/2014/TT-NHNN ngày 01 tháng 8 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn sử dụng tài

khoản ngoại tệ, tài khoản đồng Việt Nam của người cư trú, người không cư trú tại ngân hàng được phép như sau:

a) Bổ sung điểm đ khoản 1: “Thu ngoại tệ chuyển khoản tiền rút vốn khoản vay từ thành viên Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.”;

b) Bổ sung điểm i khoản 2: “Chi chuyển tiền trả nợ (gốc, lãi) và phí của khoản vay từ thành viên Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.”.

Điều 12. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. ✍

Nơi nhận:

- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Thủ trưởng các đơn vị thuộc NHNN;
- Ngân hàng thương mại;
- Chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử NHNN;
- Lưu: VT, Cục QLNH (03).

KT THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC



Phạm Thanh Hà

